

Chống lạm phát trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954 và những bài học kinh nghiệm

Ths. Phan Thị Hoa

Sau cách mạng tháng Tám 1945, Chính phủ Cách mạng lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được “thừa hưởng” một gia tài khánh kiệt. Ngân sách Trung ương gần như trống rỗng. Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm dưới sự kiểm soát của quân Nhật, việc phát hành tiền Đông Dương lúc này vẫn thuộc về Ngân hàng Đông Dương. Tiếp theo đó, từ cuối tháng Tám, đầu tháng 9/1945, quân Tưởng kéo vào nước ta dưới danh nghĩa quân đồng minh vào tước khí giới quân đội phát xít Nhật đã tung tiền quan kim, quốc tệ - đây là những loại tiền đã mất giá ở Trung Quốc, nhằm vơ vét hàng hóa, của cải của nhân dân ta đồng thời làm cho tình hình tài chính nước ta thêm hỗn loạn.

Để khắc phục những khó khăn trên, một mặt Đảng và Chính phủ đã tiến hành cứu đói khẩn cấp, chủ trương đẩy mạnh tăng gia sản xuất, huy động sự tự nguyện ủng hộ của quần chúng nhân dân, cải cách chế độ thuế khóa, phát hành giấy bạc.

Từ năm 1946 đến tháng 6/ 1950 cân đối thu chi của cả nước như sau:

Bảng Cân đối thu chi của cả nước từ năm 1946 đến tháng 6/1950

Trong năm 1950, tình hình chi tiêu càng trở nên phức tạp. Riêng chi cho quốc phòng tính đến tháng 8/1950 là 3.600 triệu đồng, đến cuối năm lên tới 5.900 triệu đồng, cộng thêm dự chi của Nam bộ và Nam Trung bộ thì tổng chi cho lĩnh vực này lên tới 10.890 triệu đồng. Còn chi thường cũng lên tới 6000 triệu đồng. Trong khi đó thu ngân sách năm 1950 là 110.000 tấn thóc tương đương 5.400 triệu đồng, cộng với các loại thu khác là

5.900 triệu đồng. Như vậy, chi trong năm 1950, số bạc cần phát hành là 11.000 triệu đồng. Đây là một con số rất lớn so với tổng số ngân sách từ năm 1946 đến tháng 6 năm 1950 (8.000 triệu đồng).

Trong những năm 1946, 1947, 1948, giá sinh hoạt vẫn bình thường và giá trị tiền Việt Nam còn tương đối ổn định là bởi vì tổng số bạc Việt Nam lưu hành so với khối giấy bạc Đông Dương của Pháp mà ta đẩy vào vùng chúng kiểm soát không chênh lệch nhau nhiều. Từ năm 1949 trở đi, một mặt sản xuất sút kém, một mặt địch tăng cường bao vây, phá hoại kinh tế, tài chính, tiền tệ của ta trong khi nhu cầu chi tiêu cho kháng chiến ngày càng lớn, số lượng tiền Việt Nam phát hành nhiều với tốc độ nhanh chóng đã làm cho thị trường hỗn loạn vì giá cả tăng cao lên; tiền tệ không

Đơn vị: đồng tiền Việt Nam (tiền tài chính)

Năm	Thu (triệu đồng)	Chi (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1946	90	478	18,8
1947	170	1.009	16,8
1948	403	1.996	20,1
1949	943	4.171	22,6
Tháng 6/1950	1.465	5.483	26,7
Cộng	3.071	13.107	23,4

Nguồn: Số liệu về tình hình tài chính chung từ 1946-1950, phóng Bộ Tài chính

còn tiêu chuẩn với chế độ lương bổng giá trị theo thóc và nhu cầu cấp thiết của bộ máy Chính phủ và chi tiêu quân sự.

Đầu năm 1949, giá gạo trung bình là 600 đồng/1 tạ; giữa năm là 1.500 đồng/1 tạ và cuối năm 1949 là 3.000 đồng/1 tạ. Giá trị tiền Việt Nam ngày càng giảm sút, ảnh hưởng của lạm phát trở nên rõ rệt nhất là vào giữa năm 1950. ở Liên khu 3, cho tới giữa năm, giá gạo lên 5000 đồng/1 tạ; Liên khu 4 là 4.000 đồng/ 1 tạ, Liên khu 5 dao động từ 2.500 đến 5.000 đồng/1 tạ. ở Liên khu Việt Bắc, giá cả cao vọt bất thường. Giá gạo từ 3.000 đồng/1 tạ vào cuối năm 1949 lên 8.000 đồng vào tháng 5/1950 và 14.000 đồng vào tháng 6/1950, vọt lên 25.000 đồng đến 30.000 đồng trong những tháng 7, 8 và tháng 9/1950. Đời sống nhân dân lâm vào khó khăn nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng trên, đồng thời bảo vệ giá trị tiền Việt Nam, Trung ương Đảng, Chính phủ đã đề ra chủ trương, chính sách và các biện pháp giải quyết đồng bộ và kịp thời.

Trên thực tế, năm 1948 cùng với việc ban hành chính sách thuế, bỏ việc lạc quyền, vấn đề tránh lạm phát cũng đã được đặt ra, nhưng còn thiếu chính sách cụ thể. Đến năm 1950, nhất là sau chiến thắng Biên giới thu

đồng 9/1950, việc chống lạm phát trở thành vấn đề cấp bách.

Những biện pháp tổng thể được đề ra trong năm 1950 là: đẩy mạnh tăng gia sản xuất có kế hoạch và thi hành lệnh sản xuất bắt buộc để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp; tiến hành giải phóng miền trung du đồng dân, nhiều cửa; thực hiện chính sách giá cả, nghiêm trị hiện tượng đầu cơ, tích trữ lương thực, thực phẩm; khơi thông các luồng trao đổi giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, giữa luồng hàng nông phẩm và công nghệ phẩm; trên phương diện tài chính, thực hiện chính sách thu chi bằng hiện vật, tăng thu, giảm chi (nhất là chính sách tiết kiệm), phát hành công trái để hút bớt lượng tiền trong lưu thông, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách; đẩy mạnh đấu tranh tiền tệ với địch.

Đến Đại hội toàn quốc lần thứ II (2/1951) của Đảng, chủ trương chống lạm phát tiếp tục được thực hiện kiên quyết thông qua chính sách tài chính mới. Cụ thể là: tăng thu, giảm chi, thống nhất quản lý thu chi; thiết lập quốc gia ngân hàng, phát hành đồng bạc mới, làm cho tiền tệ ổn định, có giá trị hối đoái trên trường quốc tế; quy định rõ ngân sách Trung ương với ngân sách địa phương; phát hành công trái quốc gia; dân chủ hoá chế độ thuế khoá; cải biến

chế độ tín dụng đối với nông nghiệp và thủ công nghiệp; hợp lý hoá việc động viên tài lực, vật lực trong nhân dân.

Sau Đại hội II, Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã họp vào tháng 3/1951 đã cụ thể hoá chính sách tài chính mới với 6 điểm sau:

- Phát triển và bảo vệ sản xuất, đảm bảo cung cấp các nhu cầu thiết yếu cho bộ đội, cán bộ và công nhân, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

- Động viên sự đóng góp của nhân dân trên cơ sở một chính sách thuế khoá công bằng, hợp lý. Chính sách thuế mới gồm 7 loại thuế sau: thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thuế hàng hoá, thuế xuất nhập khẩu, thuế sát sinh, thuế trước bạ, thuế tem.

- Tích cực đấu tranh kinh tế với địch, tích cực xây dựng nền tài chính kháng chiến của ta.

- Thiết lập ngân hàng quốc gia để quản lý việc phát hành tiền tệ.

- Thành lập mậu dịch quốc doanh để phục vụ sản xuất, điều hoà thị trường, bình ổn vật giá làm cho giá cả từng bước đi tới ổn định.

- Đối với xí nghiệp quốc doanh, trong điều kiện kháng chiến chỉ thành lập những xí nghiệp nào có ý nghĩa kinh tế và tác dụng thiết thực.

Theo tinh thần nghị quyết Đại hội II và Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II), 3 loại công tác quan trọng và cấp bách cần tiến hành ngay để giải quyết những khó khăn của ta là tài chính, ngân hàng, mậu dịch trong đó công tác tài chính được coi là then chốt.

Một số kết quả

Từ 1951-1954, sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới, lưu thông hàng hóa được đẩy mạnh, số thu cho ngân sách nhà nước ngày một tăng. So với năm 1951, thuế nông nghiệp năm 1952 tăng 2,77 lần, năm 1953 tăng 4,3 lần, năm 1954 tăng 3,26 lần; thuế công thương nghiệp năm 1952 tăng 7 lần, năm 1953 tăng 17,2 lần, năm 1954 tăng 27,97 lần. Tổng số thu (quy ra thóc) của ngân sách Nhà nước năm 1952

tăng hơn 3 lần so với năm 1951, năm 1953 tăng 70% so với năm 1952.

Cùng với việc kiên quyết thực hiện thăng bằng thu chi, ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 15 – SL thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (sau này đổi tên thành ngân hàng Nhà nước Việt Nam) thực hiện những nhiệm vụ theo chủ trương của Đảng và nhà nước là: phát hành các loại giấy bạc ngân hàng, thu hồi giấy bạc tài chính, quản lý kho bạc Nhà nước.

Việc phát hành tiền của ngân hàng được thực hiện có kế hoạch chủ yếu phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa, hạn chế dần phát hành để chi tiêu cho tài chính. Đến cuối năm 1953, tỷ trọng phát hành cho chi tiêu ngân sách nhà nước chỉ còn 10,8% trong tổng số tiền phát hành,

ngược lại tỷ trọng phát hành cho tín dụng tăng từ 0,6% năm 1951 lên 30,6% năm 1952 và 89,2% vào cuối năm 1953.

Năm 1948 là năm nền kinh tế kháng chiến ổn định nhất làm căn cứ, ta phát hành 100%, giá cả lên 100%; năm 1950 ta phát hành 250% giá cả lên 1000%. Đến 6 tháng đầu năm 1951 ta phát hành 180%, giá cả lên 357%. Đến 6 tháng sau khi ngân hàng ra đời thực hiện quản lý tiền tệ, số lượng phát hành càng lớn lên tới 318% thì giá cả lên 370%. Đó là bước tiến bộ đầu tiên của công tác quản lý tiền tệ, bình ổn vật giá.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa công tác tài chính, ngân hàng và mậu dịch đã khắc phục được tình trạng lạm phát. Chỉ số giá cả một số mặt hàng như gạo, thịt, muối, vải dần dần ổn định, kể cả thị trường Liên khu Việt Bắc.

Giá trị tiền Việt Nam cũng ngày càng được nâng lên. Đây là tỷ giá trung bình hàng tháng của đồng Đông Dương so với tiền Việt Nam ở Liên khu Việt Bắc và một số nơi khác trong năm 1953 và 1954:

Năm 1951, cân đối thu chi ngân sách là 26% thì đến năm 1953, ngân sách không những thăng bằng được thu chi mà thu còn vượt chi là 16% (116%). Sau khi đáp ứng đầy đủ các khoản chi,

(Xem tiếp trang 69)

Bảng

Đơn vị: đồng tiền Việt Nam (tiền ngân hàng)

Thời gian	Bắc Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang)	Vĩnh Phúc	Hà Nam	Thừa Thiên
Tháng 1-1953	110	100	65	80
2-1953	85	100	60	72
5-1953	50	50	45	50
8-1953	42	46	31	35
10-1953	48	46	24	20
12-1953	45	50	35	49
Tháng 1-1954	40	40	30	42
3-1954	42	35	32	45
6-1954	49	42	36	31

Nguồn: Đặng Phong, Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000, tập I (1945-1954), Nxb Khoa học xã hội, Tr260

Mở rộng phạm vi hoạt động thẩm tra NSNN tại Quốc hội

Dự toán ngân sách được phân công thẩm tra theo từng Ủy ban chuyên môn, mỗi Ủy ban được giao một phần trong phạm vi, lĩnh vực mình phụ trách. Các Ủy ban phải có kiến nghị xác đáng bằng văn bản, gửi Ủy ban Tài chính – Ngân sách tổng hợp và phân tích, trình Quốc hội xem xét, quyết định. Đối với HĐND các cấp cũng có thể làm tương tự: mỗi Ban của HĐND tỉnh phụ trách thẩm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách trong phạm vi lĩnh vực mà Ban phụ trách. Qua việc mở rộng phạm vi sẽ từng bước nâng cao vị thế và vai trò các Ủy ban của Quốc hội. Tất nhiên, mỗi Ủy ban của Quốc hội cần được kiện toàn đủ mạnh, tăng cường thành

viên chuyên trách để có thể phát hiện và đề xuất những vấn đề còn tồn tại trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách.

Để hoạt động thẩm tra có kết quả, các tài liệu dự toán và báo cáo thuyết minh kèm theo được gửi sớm cho các Nghị sỹ để có thời gian nghiên cứu, xem xét trước khi có ý kiến thẩm tra. Ngoài các tài liệu do Chính phủ cung cấp, các Nghị sỹ được hỗ trợ đặc lực của các cơ quan nghiên cứu (gồm chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực trong các bộ phận nghiên cứu) nhằm cung cấp thêm thông tin, phân tích, đánh giá và tư vấn cho các đại biểu để họ thực hiện tốt chức năng thẩm tra, giám sát ngân sách.

Sau hoạt động thẩm tra, Quốc hội quyết định dự toán

ngân sách bằng Luật ngân sách thường niên, thay cho Nghị quyết như hiện nay, kể cả ban hành Luật ngân sách điều chỉnh và Luật quyết toán ngân sách năm trước. Cơ cấu lại NSNN đảm bảo yêu cầu đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, giải quyết tốt vấn đề: vừa đảm bảo quản lý ngân sách hiệu quả, minh bạch, đúng theo nguyên tắc và thông lệ quốc tế; vừa đảm bảo quyền lực can thiệp vào kinh tế, nhất là khu vực sở hữu nhà nước của Nhà nước. Đối với vấn đề bội chi, Quốc hội nên thông qua trong một đạo luật độc lập là giảm tỷ lệ bội chi ngân sách trong giới hạn an toàn cho phép, đi đôi với việc hạn chế phát hành trái phiếu để bù đắp thâm hụt, giảm tỷ lệ phụ thuộc của ngân sách vào trái phiếu chính phủ.

Chống lạm phát trong kháng chiến ...

(Xem tiếp trang 72)

ngân sách nhà nước còn dư gần 90.000 tấn thóc để dự trữ chuẩn bị cung cấp cho nhu cầu của cuộc kháng chiến trong đông-xuân 1953-1954. Đây là điều hiếm có ở một quốc gia đang có chiến tranh như nước ta.

Một số bài học kinh nghiệm

- Cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và tài chính trong nền kinh tế trong thời kỳ kháng chiến cũng như thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước. Chỉ

có đầy mạnh phát triển sản xuất mới tạo nền tảng vững chắc cho nguồn thu tài chính.

- Chống lạm phát, cần có những biện pháp cụ thể, linh hoạt phù hợp đặc điểm mỗi vùng, miền.

- Vấn đề chống lạm phát hoàn toàn có thể thực hiện được dù trong kháng chiến, nếu ta thực hiện kiên quyết và đồng bộ các công cụ kinh tế là tài chính, ngân hàng, thương nghiệp và quản lý thị trường...

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính, *Số liệu về tình hình tài chính chung từ 1946-1950*, hồ sơ 64, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

- Lê Văn Hiến (2004), *Nhật ký của một Bộ trưởng*, tập 2, Nhà xuất bản Đà Nẵng.

- Đặng Phong (2005) *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000. Tập I (1945-1954)*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.